

# KỸ NĂNG GIAO TIẾP TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẢNH SÁT NHÂN DÂN TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP

Lê Hương Hoa\*

Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân,  
36 Nguyễn Hữu Thọ, Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nhận bài ngày 03 tháng 03 năm 2018

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 05 năm 2018; Chấp nhận đăng ngày 31 tháng 05 năm 2018

**Tóm tắt:** Kỹ năng giao tiếp tiếng Anh đóng một vai trò quan trọng đối với mỗi sinh viên Trường Đại học Cảnh sát Nhân dân (ĐHCSND), thể hiện trong lĩnh vực nâng cao tri thức hiểu biết và tri thức nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, qua việc tìm hiểu và phân tích thực trạng việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên ĐHCND, tác giả nhận thấy rằng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên đã đạt được những kết quả nhất định song cũng còn nhiều hạn chế như thiếu tự tin trong giao tiếp hay khả năng giao tiếp chỉ dừng lại ở cấp độ câu đơn giản. Trong giới hạn bài viết này, tác giả xin trình bày tóm tắt kết quả nghiên cứu và đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên đáp ứng nhu cầu học tập và tham gia hợp tác quốc tế.

*Từ khóa:* giao tiếp, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, sinh viên

## 1. Đặt vấn đề

Những năm qua, ở ĐHCND, việc dạy và học tiếng Anh đã được Ban Giám hiệu quan tâm. Nhà trường đã đầu tư nhiều trang thiết bị giảng dạy hiện đại, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, và chú trọng vấn đề đổi mới phương pháp nâng cao chất lượng giảng dạy nhằm tạo ra những đột phá trong công tác đào tạo. Tuy nhiên, kết quả học tập tiếng Anh của sinh viên còn rất hạn chế, khả năng sử dụng tiếng Anh của sinh viên trong học tập cũng như trong công tác chuyên môn sau khi ra trường chưa thực sự có hiệu quả. Sinh viên chưa đủ tự tin khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Họ chưa thực sự lưu loát khi diễn đạt ý tưởng của mình, nội dung của ý tưởng diễn đạt còn rất đơn giản.

Thực tế cho thấy, phần lớn sinh viên có thời gian học tiếng Anh khá dài nhưng vẫn không thể sử dụng được dù chỉ là những mẫu câu đơn giản. Vấn đề này đã thu hút sự quan tâm của nhiều người làm công tác giáo dục và những giảng viên đã và đang giảng dạy môn học này. Trước thực trạng đó, tác giả đã tiến hành nghiên cứu kỹ năng giao tiếp (KNGT) tiếng Anh của sinh viên hệ chính quy ĐHCND để có cái nhìn tổng quan hơn về quy trình dạy và học tiếng Anh tại trường.

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1. Kỹ năng giao tiếp

Ngôn ngữ được dùng để diễn đạt ý tưởng, bày tỏ suy nghĩ, giải quyết vấn đề và tạo ra chữ viết, đồng thời được sử dụng chính trong giao tiếp. Trong giao tiếp, đôi khi chúng ta không

\* ĐT.: 84-909193103

Email: hoalehuong@yahoo.com

hiểu sự diễn đạt của người khác hay gặp phải khó khăn trong việc biểu đạt quan điểm của mình. Đó có thể là do sự hạn chế về năng lực giao tiếp. Rickheit & Strohner (2008) đã cho rằng để sử dụng thành công một ngôn ngữ kể cả ngôn ngữ bản địa hay ngoại ngữ trong giao tiếp thì người sử dụng ngôn ngữ phải vừa có cả năng lực về ngôn ngữ cũng như năng lực về giao tiếp.

Để giao tiếp diễn ra thành công và đạt đến đích cuối cùng, các tác ngôn (*participants*) khi tham gia vào những hoạt động giao tiếp phải tuân theo những nguyên lý tương tác nhất định. Bốn nguyên lý cơ bản (*maxims*) mà Grice (1975) đưa ra có thể được xem như là các nguyên lý tương tác thiết yếu trong giao tiếp. Những nguyên lý này giúp cho người tham gia vào hoạt động giao tiếp có thể xác định được nội dung cần giao tiếp, hay duy trì mối quan hệ tương tác trong giao tiếp.

- Nguyên lý thứ nhất về số lượng: khi tham gia vào hoạt động giao tiếp, các tác ngôn phải xác định được mức độ phù hợp về thời gian để thực hiện hành động xen lời và tiếp lời một cách có hiệu quả.

- Nguyên lý thứ hai về chất lượng: khi tham gia hoạt động giao tiếp, thông tin được phát ra phải có tính trung thực và chính xác.

- Nguyên lý thứ ba về tính liên quan: các tác ngôn trong giao tiếp chỉ nên đưa ra các thông tin liên quan đến chủ đề đang được thảo luận.

- Nguyên lý thứ tư về tính phong cách: thông tin được phát ra trong khi giao tiếp nên rõ ràng minh bạch dễ hiểu để tránh sự hiểu nhầm.

Khả năng để đạt được các mục tiêu trong cuộc sống của con người phụ thuộc phần lớn vào năng lực giao tiếp. Vì lẽ đó, việc tìm hiểu bản chất của năng lực giao tiếp là một vấn đề quan trọng và thu hút được nhiều sự chú ý của các nhà tâm lý, xã hội học, ngôn ngữ học và giao tiếp học.

## 2.2. Các quan điểm về kỹ năng giao tiếp (KNGT)

Trong số rất nhiều khái niệm hay định nghĩa khác nhau về KNGT như: Sapir (1921), Bloomfield (1933) hay Swain (1981), các tác giả chủ yếu phân tích KNGT độc lập dựa trên năng lực về kiến thức ngôn ngữ và tách rời vai trò của ngữ cảnh trong giao tiếp. Trong khi đó, KNGT được Chomsky (1965), Hymes (1972) và Canale and Swain (1981) phân tích trong mối tương quan giữa kiến thức ngôn ngữ và tương tác xã hội. Đồng thời, các tác giả không những đưa ra những tiêu chí cần thiết để có được KNGT tốt mà còn đưa ra được những nhân tố ảnh hưởng đến KNGT.

Tiếp theo trường phái của các nhà tâm lý học tri nhận (*cognitive psychologists*) về việc học tập và phát triển ngôn ngữ của con người, mà đại diện là B.F. Skinner (1938) với thuyết hành vi (*behaviorism*), ông cho rằng, việc học ngôn ngữ được diễn ra thông qua quá trình biến đổi các hành vi, có nghĩa là thông qua quá trình hình thành thói quen và bắt chước. Trẻ em học ngôn ngữ thông qua quá trình bắt chước từ những người xung quanh như cha, mẹ, anh, chị, v.v. Việc bắt chước được bắt đầu từ những câu đơn giản đến phức tạp, và khả năng phát triển ngôn ngữ phụ thuộc vào khoảng thời gian được bắt chước.

Chomsky (1965), một đại diện của trường phái ngôn ngữ hiện đại, không đồng tình với quan điểm mà B.F Skinner đưa ra. Theo ông, học ngôn ngữ là một đặc tính sinh lý tất yếu và bản năng của con người. Ông giải thích điều này dựa trên hai giả thuyết là: giả thuyết về giai đoạn nhạy cảm (*the critical period hypothesis*) và giả thuyết về thiết bị thụ đắc ngôn ngữ (*language acquisition device*). Khi bàn về giai đoạn này ông cho rằng trong cuộc đời của mỗi con người chỉ có một giai đoạn được cho là thích hợp nhất (giai đoạn nhạy cảm) để thụ đắc kiến thức và các kỹ năng ngôn ngữ. Giai đoạn nhạy cảm đó thường bắt đầu từ lúc con

người ở giai đoạn 1 tuổi và cho đến khoảng 12 tuổi, và ngoài giai đoạn này, con người khó có thể thụ đắc được ngôn ngữ. Về thiết bị thụ đắc ngôn ngữ (*language acquisition device - LAD*), Chomsky cho đó là một cơ chế phát triển não bộ của con người, và được mặc nhiên công nhận để giải thích cho việc học ngôn ngữ của con người mà đặc biệt là việc học các cấu trúc cú pháp của ngôn ngữ. Cơ chế này đã cho phép trẻ em có khả năng hấp thụ được các cấu trúc cú pháp hay các quy tắc của ngôn ngữ mẹ đẻ được nhanh chóng và chính xác. Chomsky đã phần nào thiếu đi sự xem xét đến tầm quan trọng của năng lực sử dụng ngôn ngữ, bởi vì chính năng lực đó mới có khả năng giúp người sử dụng có thể hiểu được lời nói của người khác trong một ngữ cảnh cụ thể cũng như xác định mức độ phù hợp (*appropriateness*) của lời nói. Ngoài ra, để có được năng lực thích ứng tốt, người sử dụng ngôn ngữ cần phải có các yếu tố khác như: năng lực xử lý các biến thể của ngôn ngữ hay cách sử dụng khác nhau của ngôn ngữ.

Hymes đã kết hợp quan điểm của Chomsky về năng lực ngữ pháp với quan điểm riêng của ông về khả năng sử dụng ngôn ngữ để đưa ra một quan điểm khác về KNGT. Theo ông, năng lực giao tiếp bao gồm những năng lực về kiến thức ngôn ngữ, kiến thức về xã hội và quy ước xã hội mà ngôn ngữ đó được sử dụng. Ông không đồng tình với việc phân tích KNGT dựa trên việc phân tích độc lập giữa ngữ năng (*competence*) và ngữ hành (*performance*). Ông cho rằng hai yếu tố này như là hai mặt của một vấn đề không thể tách rời. Ngữ hành là yếu tố có thể quan sát được, nhưng ngữ năng là yếu tố tiềm ẩn để tạo ra ngữ hành và cả hai yếu tố này đều được hình thành bởi nhận thức và yếu tố xã hội.

Canale và Swain (1980) có cái nhìn mới hơn về năng lực giao tiếp. Họ cho rằng KNGT là sự tổng hợp các kiến thức về các quy tắc ngữ pháp cơ bản và kiến thức về ngôn ngữ trong

mối tương quan với môi trường xã hội. Canale và Swain đã làm rõ quan điểm của mình bằng cách phân tích KNGT dựa trên các yếu tố được cho là cấu thành nên năng lực giao tiếp.

- Năng lực về ngữ pháp có nghĩa là việc thụ đắc các quy tắc âm vị học, quy tắc hình thái học, quy tắc cú pháp, các quy tắc ngữ nghĩa và các đơn vị từ vựng.

- Năng lực về ngôn ngữ xã hội có nghĩa là khả năng thụ đắc các đặc tính ngữ dụng của các đơn vị hành ngôn (*speech acts*) khác nhau, chẳng hạn như: giá trị văn hóa, nghi thức xã hội và các tục lệ văn hóa xã hội khác trong một ngữ cảnh cụ thể. Các đơn vị hành ngôn có thể là các ngữ cảnh, chủ đề của ngôn bản, địa vị xã hội, tuổi tác, giới tính của tác ngôn và một số các nhân tố khác ảnh hưởng đến phong cách hay phạm vi từ vựng.

- Năng lực về ngôn bản là khả năng kết nối các câu đơn thành một ngôn bản mang ý nghĩa.

- Năng lực về thủ thuật giao tiếp là cách nhận biết và sửa chữa các hạn chế trong giao tiếp như: làm thế nào để khắc phục những hạn chế về kiến thức ngôn ngữ và làm thế nào để hiểu được ý nghĩa lời nói trong bối cảnh giao tiếp cụ thể.

Như vậy, có thể nói, đã có nhiều quan điểm khác nhau về KNGT. Với lý thuyết ngữ pháp tạo sinh (*generative grammar*) của mình, Chomsky (1965) cho rằng KNGT là sự kết hợp của kiến thức về ngôn ngữ (bao gồm kiến thức về các quy luật của ngữ pháp) và các quy tắc sử dụng ngôn ngữ. Đồng thời, ông còn nổi tiếng với quan điểm về tính bẩm sinh của con người. Theo ông, con người vốn sinh ra đã có sẵn khả năng thụ đắc ngôn ngữ cũng như sử dụng ngôn ngữ. Hymes (1972) đã không đồng tình với quan điểm về tính bẩm sinh của con người mà Chomsky đưa ra. Theo Hymes, KNGT phải đồng thời bao gồm cả kiến thức về ngôn ngữ và các quy tắc xã hội mà ở đó, ngôn ngữ được sử dụng.

Tuy nhiên, trong quá trình tìm hiểu và nghiên cứu, tác giả nhận thấy quan điểm về KNGT mà Canale và Swain (1980) đưa ra là đầy đủ bởi nó là sự kết hợp những quan điểm mà Chomsky và Hymes đã đề cập như kiến thức về ngôn ngữ và quy tắc xã hội, đồng thời bổ sung những mặt còn hạn chế như khả năng phân tích diễn ngôn và khả năng sử dụng thủ thuật trong giao tiếp. Với mục đích nghiên cứu và phân tích KNGT tiếng Anh của sinh viên trong bối cảnh ở ĐHCSDN, tác giả đã chọn quan điểm của Canale và Swain làm khung lý thuyết chủ đạo trong nghiên cứu này.

### 2.3. Hình thức của kỹ năng giao tiếp

- Lắng nghe: là việc tập trung vào việc phản ánh một loại âm thanh nào đó, các âm thanh khác bỏ ra ngoài tai. Để lắng nghe có hiệu quả, ngoài việc chú ý hạn chế ảnh hưởng của các yếu tố cản trở, chúng ta phải biết tạo không khí bình đẳng, thân mật thoải mái, biết gợi mở để người đối thoại trút bầu tâm sự, biết tỏ ra quan tâm là thông cảm với họ, biết phản hồi một cách thích hợp.

- Đặt câu hỏi: trong giao tiếp, câu hỏi được sử dụng với nhiều mục đích khác nhau, thu thập thông tin, kích thích quá trình tư duy ở người đối thoại theo hướng này hay hướng khác, đề xuất ý kiến, kết thúc cuộc gặp gỡ hay chỉ đơn giản là thể hiện sự quan tâm nhằm tạo không khí tiếp xúc. Nói cách khác, có nhiều loại câu hỏi, mỗi loại câu hỏi đều có những ưu thế nhất định và chúng ta cần biết đặt câu hỏi sao cho phù hợp với tình huống cụ thể để đạt được mục đích giao tiếp.

- Thuyết phục: là một nghệ thuật, nó không những đòi hỏi sự lập luận chặt chẽ, chứng cứ rõ ràng mà cả sự khéo léo, nhạy cảm, tinh tế. Trong thuyết phục, cần lưu ý đến quy trình gồm bốn bước sau:

- + Tạo không khí bình đẳng.
- + Chú ý lắng nghe.
- + Bày tỏ sự thông cảm.

+ Giải tỏa sự phân tâm, lo ngại của đối tượng giao tiếp.

Giao tiếp là một quá trình phức tạp và được cấu thành bởi rất nhiều những yếu tố khác nhau như: người gửi, người nhận, thông điệp, kênh thông tin (có lời, không lời), bối cảnh v.v. Tuy nhiên, có ba yếu tố cơ bản cần phải được chú trọng trong quá trình rèn luyện kỹ năng giao tiếp, đó là:

- Chủ thể và đối tượng tham gia quá trình giao tiếp (người gửi và người nhận): mỗi một cá nhân tham gia giao tiếp là một con người cụ thể, khác biệt về tính khí, tính cách, nhu cầu, sở thích, niềm tin v.v. Chính vì điều này, trong giao tiếp rất dễ xuất hiện hiện tượng hiểu sai, nghe nhầm.

- Thông điệp: nội dung cần truyền tải. Trong quá trình giao tiếp, thông điệp không phải lúc nào cũng dễ hiểu và dễ nhận thấy mà nó còn có những “nội dung ẩn” phía sau. Thông điệp có thể đơn thuần chỉ mang tính thông tin nhưng có nhiều trường hợp đan xen với cảm xúc, mong đợi, nhu cầu, sở thích của các đối tượng tham gia giao tiếp.

Để rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho mỗi người, có thể thực hiện theo quy trình sau:

Bước 1: Phải nhận thức về mục đích của việc giao tiếp tiếng Anh, lập kế hoạch về các hoạt động cần rèn luyện và môi trường rèn luyện.

Bước 2: Quan sát, lắng nghe những hoạt động tiếng Anh của giảng viên trên lớp cũng như ở môi trường ngoài lớp học, sau đó lặp lại những hành động theo những gì mình thu nhận được.

Bước 3: Thực hiện các hoạt động giao tiếp tiếng Anh dưới sự hướng dẫn của giảng viên tiếng Anh theo một trình tự.

Bước 4: Tiến hành luyện tập để rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh bằng các phương pháp khác nhau.

Bước 5: Tự kiểm tra, đánh giá kết quả rèn luyện của mình có thể thông qua các bài kiểm tra, đồng thời rút ra được những ưu điểm và những khó khăn trong quá trình rèn luyện để có những biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Thực tế cho thấy, trong những năm gần đây, kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh đã trở thành một kỹ năng mềm quan trọng trong quá trình hội nhập với thế giới. Để học tốt kỹ năng này, người học cần xây dựng cho mình một chiến lược học phù hợp và người dạy phải không ngừng đổi mới phương pháp nhằm giúp người học sẵn sàng thực hành, sẵn sàng sử dụng ngôn ngữ trong môi trường giao tiếp thực sự.

#### 2.4. Các nguyên tắc dạy và học ngôn ngữ giao tiếp

Trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, các dạng bài tập và hoạt động tương thích với đường hướng giao tiếp là không có giới hạn, miễn là những bài tập đó giúp cho người học đạt được mục tiêu của chương trình, thu hút người học tham gia vào giao tiếp và vào các quá trình như chia sẻ thông tin, đàm phán ý nghĩa và tương tác. Những tiền đề này gợi ý rằng để thực hiện thành công đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, cả giảng viên và sinh viên đều phải thay đổi vai trò của mình trong lớp học. Chúng cũng cho thấy để dạy và học thành công trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, tài liệu giảng dạy phải có nội dung đa dạng; và như Nunan (1989), Richard và Rodger (1986) đã gợi ý, tài liệu có thể được sử dụng hữu hiệu nhất trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp là dựa vào ngôn bản (*text-based*), dựa vào nhiệm vụ (*task-based*) và ngữ liệu trong giáo trình phải có tính sát thực (*authenticity*). Nếu những nguyên tắc này được quán triệt trong việc lựa chọn giáo trình thì nội dung giảng dạy sẽ giúp cho giảng viên rất nhiều trong phương pháp giảng dạy của họ.

#### Phương pháp dạy ngôn ngữ giao tiếp

Trong giáo học pháp ngoại ngữ, có hai khái niệm quan trọng cần lưu ý trong quá trình giảng dạy ngôn ngữ theo đường hướng giao tiếp, đó là “độ chính xác” (*accuracy*) và “độ lưu loát” (*fluency*). Thuật ngữ “độ lưu loát” chỉ việc sử dụng ngôn ngữ tự nhiên và không chú trọng đến việc liệu người học có hiểu biết và sản sinh ngôn ngữ giống người bản ngữ hay không. Do đó, độ lưu loát liên quan đến sự chi phối của sinh viên (người học làm trung tâm), dựa vào ý nghĩa và khó đoán được nội dung giảng dạy.

Mỗi khái niệm có quan hệ với một đường hướng giảng dạy ngoại ngữ riêng biệt. Theo Brumfit (1984), trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, sự phân biệt giữa độ chính xác và độ lưu loát về cơ bản là sự phân biệt về phương pháp chứ không phải là sự phân biệt trong tâm lý học hay trong ngôn ngữ học; nghĩa là, nó là sự phân biệt có thể có giá trị cho giảng viên trong việc ra quyết định về nội dung của các bài học và việc phân phối thời gian và các kiểu hoạt động.

Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp tập trung nhiều hơn vào khái niệm “độ lưu loát”. Do ảnh hưởng của đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp, từ cuối những năm 1960, trong giáo học pháp ngoại ngữ đã có một sự thay đổi trọng tâm từ “độ chính xác” sang “độ lưu loát”. Sự thay đổi này cũng đã buộc các nhà giáo dục phải xem xét một cách thận trọng vai trò của phương pháp giảng dạy, vai trò của mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên và nội dung ngôn ngữ được sử dụng, hơn là những tiêu điểm của chương trình.

Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp khẳng định rằng những hoạt động thực hành kỹ năng ngôn ngữ của sinh viên càng độc lập với sự can thiệp của giảng viên nhiều bao nhiêu thì càng tốt bấy nhiêu. Khái niệm độ chính xác quan tâm nhiều đến việc sử dụng đúng các cấu

trúc ngữ pháp. Tuy nhiên, đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp không bỏ qua độ chính xác. Điều này được thể hiện rõ trong việc xử lý sinh viên mắc lỗi và lỗi được sửa như thế nào. Trong đường hướng giảng dạy truyền thống, vai diễn của giảng viên yêu cầu họ phải đánh giá tất cả sự thể hiện ngôn ngữ của sinh viên theo các tiêu chí được xác định rõ ràng, đó là những cấu trúc hình thức hay đặt trọng tâm vào việc sản sinh ra những hình thức ngôn ngữ đúng. Đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp yêu cầu giảng viên phải tham gia vào việc xác định lại vai trò truyền thống của mình. Giảng viên có thể quyết định không sửa lỗi của sinh viên mắc phải ở một thời điểm nào đó mà mình quan sát hay nghe thấy. Sự phát triển khả năng giao tiếp xuất hiện thông qua các quá trình bên trong sinh viên. Điều này không có nghĩa là đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp không cần đến giảng viên, trái lại, giảng viên phải chuẩn bị để hỗ trợ cho những nhu cầu học tập của sinh viên. Họ phải hoạt động như là một cố vấn, giúp cho sinh viên ở chỗ nào cần thiết hay cùng giao tiếp với sinh viên. Giảng viên, những người theo đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp được khuyến khích là phải giảm vai trò chi phối của mình trong lớp học. Sinh viên có nhiều cơ hội để diễn đạt những gì mà mình muốn, lồng ghép ngôn ngữ với cá tính của mình và được kích hoạt để khai thác chúng.

Nói tóm lại, như Brumfit (1984) đã khẳng định, đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp “không phải đóng gói sẵn cho sinh viên mà là được làm cho họ”. Dạy ngôn ngữ giao tiếp tạo cho sinh viên một phạm vi để sinh viên đóng góp vào quá trình học tập và cung cấp cho giảng viên một phạm vi để vượt ra ngoài vai trò giáo dục của mình để trở thành “con người giữa những con người” (Littlewood, 1985: 94).

#### *Quy trình dạy ngôn ngữ giao tiếp*

Mục đích của dạy một ngoại ngữ là để giao tiếp, và bản chất của giao tiếp là tương

tác, và để giúp người học tương tác bằng tiếng Anh có hiệu quả, giảng viên trước hết phải tạo được môi trường tương tác thuận lợi. Ngoài ra, để giúp người học giao tiếp tiếng Anh tốt, giảng viên phải đổi mới quy trình lên lớp và phải sử dụng có hiệu quả các thủ thuật phát triển kỹ năng giao tiếp cho phù hợp với từng đối tượng người học.

Các nhà ngôn ngữ học ứng dụng đã đề xuất một số mô hình của quy trình giảng dạy, nhưng dường như không một mô hình nào tỏ ra có ưu thế tuyệt đối. Tuy nhiên, Finocchiaro và Brumfit (1983) đã đề xuất một tiến trình giảng dạy với tiêu chuẩn “*gợi ý*” trong đường hướng dạy ngôn ngữ giao tiếp như sau:

- Bắt đầu thảo luận một chức năng hay một tình huống, những người tham dự, vai diễn, bối cảnh, chủ đề và mức độ thân mật hay trang trọng của ngôn ngữ trong đó chức năng ngôn ngữ yêu cầu. Sau đó trình bày một hội thoại ngắn hay một số tiểu hội thoại ngắn hay một số tiểu hội thoại trong đó tiêu chuẩn “*gợi ý*” xuất hiện.

- Thực hành nói từng phát ngôn của bài hội thoại có thể được kể tiếp nhau bằng mẫu lời nói hay mẫu câu. Nếu các tiểu hội thoại được sử dụng, thì giảng viên và sinh viên có thể tham gia vào thực hành tương tự.

- Những câu hỏi và câu trả lời dựa trên chủ đề của hội thoại và dựa trên chính tình huống đó.

- Những câu hỏi và câu trả lời liên quan đến kinh nghiệm của sinh viên tập trung vào chủ đề của hội thoại.

- Nghiên cứu một trong những cách diễn đạt giao tiếp cơ bản trong hội thoại hay một trong những cấu trúc minh họa cho chức năng này.

Tóm lại, để giao tiếp được, người học không những chỉ có ý hay nội dung mà còn phải có những phương tiện ngôn ngữ để diễn đạt những nội dung ấy như ngữ âm, ngữ pháp

và từ vựng. Quan niệm về dạy giao tiếp theo phương pháp truyền thống vô hình chung đã phá vỡ tính liên tục giữa sử dụng ngôn ngữ chính xác với diễn đạt ngôn ngữ lưu loát, coi chúng như thể là hai thành phần riêng biệt được rèn luyện ở những giai đoạn khác nhau của quá trình dạy giao tiếp. Theo phương pháp dạy ngôn ngữ giao tiếp, “độ lưu loát” và “độ chính xác” là hai mặt của một vấn đề cần phải được rèn luyện và phát triển trong cùng một giờ dạy.

#### **4. Thực trạng kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên ĐHCND**

##### *4.1. Câu hỏi nghiên cứu*

- Năng lực giao tiếp tiếng Anh của sinh viên được thể hiện như thế nào?

- Những yếu tố nào ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên?

- Giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh của sinh viên ĐHCND?

##### *4.2. Đối tượng nghiên cứu*

450 sinh viên hệ chính quy năm thứ 2 đã học xong chương trình tiếng Anh đại cương bao gồm 150 tiết về năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh tham gia trả lời bảng hỏi khảo sát của giảng viên.

##### *4.3. Công cụ thu thập số liệu*

Tác giả đã sử dụng bảng hỏi (xem Phụ lục) và thông qua quan sát để tìm hiểu về năng lực giao tiếp tiếng Anh của sinh viên trên cơ sở khung lý thuyết của Canale và Swain (1980) - năng lực giao tiếp được thể hiện qua những đặc tính: năng lực về ngữ pháp; năng lực về ngôn ngữ xã hội; năng lực về ngôn bản và năng lực về thủ thuật giao tiếp. Trên cơ sở khung lý thuyết này, tác giả đã bổ sung nghiên cứu thêm những yếu tố ảnh hưởng đến năng lực giao tiếp của sinh viên trong bối cảnh của ĐHCND.

Qua việc thống kê, phân tích số liệu thu thập được từ bảng hỏi và trao đổi với sinh viên trong quá trình giảng dạy, kết quả nghiên cứu được thể hiện trên các nội dung sau:

#### *4.4. Kết quả nghiên cứu*

##### *4.4.1. Nhận thức của sinh viên về việc học tiếng Anh để phát triển và nâng cao trình độ*

Học ngoại ngữ ở các trường đại học Việt Nam nói chung trước hết là cánh cửa để đón các tri thức khoa học và công nghệ của thế giới. Điều này có nghĩa là kết quả của việc học ngoại ngữ phải tác động tích cực và trực tiếp đến người học; họ phải học để có thể đọc được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh và để lấy tư liệu cho việc học tập của họ.

Tuy nhiên, khi thực hiện nghiên cứu về vấn đề này bằng cách quan sát và trò chuyện với nhiều sinh viên, tác giả nhận thấy hầu như sinh viên không tham khảo đến các tài liệu của nước ngoài bằng tiếng Anh. Điều này chứng tỏ mặc dù được xem là ngoại ngữ quan trọng nhất và chiếm tỉ lệ thời lượng khá lớn trong chương trình của một bậc học nhưng tiếng Anh lại chưa thực sự được sinh viên chú trọng. Phần lớn sinh viên không chuyên tiếng Anh cho rằng học tiếng Anh không phục vụ cho mục đích trực tiếp của họ: sinh viên không giao tiếp (trong đời sống hàng ngày và trong chuyên môn nghiệp vụ) bằng tiếng Anh, không đọc những tài liệu chuyên môn và tài liệu giải trí khác bằng tiếng Anh và không viết bằng tiếng Anh. Rốt cuộc, tiếng Anh vẫn chỉ là một môn học trong hệ thống các môn học ở bậc đại học.

##### *4.4.2. Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của sinh viên*

Kết quả khảo sát cho thấy năng lực sử dụng ngôn ngữ ở cấp độ câu của sinh viên là rất thấp; có 278 sinh viên chiếm 61,7 % sử

dụng được câu đoạn và chỉ có 32 sinh viên chiếm 7,1% là sử dụng được tất cả các hình thức. Để đánh giá đúng thực trạng về năng lực sử dụng ngôn ngữ của sinh viên, tác giả còn sử dụng các đoạn đối thoại được ghi âm trực tiếp với sự tham gia của 10% sinh viên mỗi lớp.

Mẫu 1:

**Giảng viên:** Where do you live?

**Sinh viên:** Tay Ninh

**Giảng viên:** How many people are there in your family?

Sinh viên: Four

Mẫu 2:

**Giảng viên:** Could you tell me about yourself?

Phần lớn câu trả lời của sinh viên là những câu đơn hay những câu đoạn (I am ....., I am from ....., I am .....years old, I am not married, v.v.)

#### 4.4.3. Mức độ thường xuyên thực hiện các hoạt động giao tiếp của sinh viên

##### *Thực hiện các hoạt động tiền giao tiếp*

Nghiên cứu vấn đề này, tác giả đã thực quan sát cũng như thực hiện câu hỏi sát như sau: “*Khi diễn đạt nói tiếng Anh đồng chí thường: Viết ra giấy trước khi nói; Dịch trong đầu từ tiếng Việt sang tiếng Anh; Nói một cách phân xạ tự nhiên*”

Qua kết quả khảo sát trên, có thể thấy các hoạt động tiền giao tiếp của sinh viên được thực hiện thông qua quá trình chuyển di ngôn ngữ trên tất cả hình thức; đó là: trực tiếp (viết ra giấy trước khi nói có 272 sinh viên chiếm 60,1%) và gián tiếp (dịch trong đầu từ tiếng Việt sang tiếng Anh có 145 sinh viên chiếm 32,2%) chiếm tỉ lệ cao. Khả năng phân xạ tự nhiên khi giao tiếp chiếm tỉ lệ còn thấp, chỉ có 38 sinh viên (8,4%). Điều này cho thấy chất lượng cũng như KNGT tiếng Anh của sinh viên còn hạn chế, bởi lẽ trong quá trình giao

tiếp, sinh viên thiếu khả năng phân xạ tự nhiên và thường áp dụng biện pháp chuyển di ngôn ngữ làm giảm tốc độ nói và hay bị mắc lỗi.

##### *Hoạt động trong khi giao tiếp*

Với câu hỏi khảo sát: “*Khi diễn đạt bằng tiếng Anh, đồng chí thường chú ý đến những đặc tính nào? Độ chính xác; Độ lưu loát; Cả hai*”, kết quả thu được như sau: 276 sinh viên (61,3%) chú ý đến độ chính xác trước, 50 sinh viên (11,1%) cho rằng chú ý đến độ lưu loát trước, và 124 sinh viên (27,5%) cho rằng là cả hai. Như vậy, có thể nhận thấy trong giao tiếp, phần lớn sinh viên do thường chú ý đến độ chính xác về phát âm, ngữ pháp, cách dùng từ, hay văn phong, v.v. cho nên chất lượng của sự giao tiếp bị hạn chế, như: tốc độ giao tiếp giảm, tạo ra hiện tượng nói “nhát gừng”, mất đi tính tự nhiên trong giao tiếp, và thường tạo ra rào cản tâm lý (sợ mắc lỗi) trong giao tiếp.

##### *Hoạt động sau khi giao tiếp*

Với câu hỏi khảo sát: “*Khi đồng chí mắc lỗi, đồng chí muốn được sửa lỗi như thế nào?*, kết quả thu được như sau: 75 sinh viên (11,7%) muốn được sửa lỗi ngay lập tức trước mọi người, 198 sinh viên (32,9%) sinh viên muốn được sửa lỗi sau mỗi hoạt động với mọi người, và 264 sinh viên (55,2%) muốn được sửa lỗi chỉ với cá nhân. Với câu hỏi khảo sát: “*Đồng chí cảm thấy thế nào khi được giảng viên hay bạn bè sửa lỗi cho mình?*”, 289 (64,2%) sinh viên cho rằng cảm thấy phiền khi bị bạn bè sửa lỗi, 161 sinh viên (35,8%) cho rằng cảm thấy phiền khi bị giảng viên sửa lỗi.

Hai câu hỏi khảo sát trên cho thấy đặc tính cái tôi cá nhân và tâm lý của sinh viên chiếm tỉ lệ tương đối cao, điều này phần nào có ảnh hưởng đến nhu cầu cũng như chất lượng giao tiếp của sinh viên.

##### *Tần suất thực hiện giao tiếp*

Có nhiều nghiên cứu cho rằng mức độ thực hiện các hoạt động tương tác thường xuyên trong giao tiếp có thể quyết định tới



85% mức độ thành công của sinh viên trong việc học tiếng Anh. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy các hoạt động giao tiếp bằng tiếng Anh trong và ngoài lớp còn rất hạn chế. Đây cũng chính là căn nguyên chất lượng học tập kém hiệu quả của sinh viên.

Với câu hỏi khảo sát “*Đồng chí có thường xuyên sử dụng tiếng Anh để giao tiếp trong và ngoài lớp không?*” Kết quả cho thấy mức độ thực hiện các hoạt động trong giao tiếp của sinh viên còn rất hạn chế. Nhóm các kỹ năng ngôn ngữ ở mức độ không bao giờ thực hiện chiếm tỉ lệ còn rất cao: 15,3% đối với kỹ năng nghe, 14,7% đối với kỹ năng nói, 12,4% đối với kỹ năng đọc, 13,5% đối với kỹ năng viết, và 13,0% đối với ngữ pháp. Trái lại, mức độ thường xuyên thực hiện đối với các kỹ năng lại rất thấp: luyện tập kỹ năng nói chỉ có 14,1%, kỹ năng có mức độ luyện tập thường xuyên thấp nhất là kỹ năng nghe với 13,9%. Qua việc phân tích và đánh giá trên đây, tác giả nhận thấy mức độ thường xuyên luyện tập các kỹ năng trong giao tiếp của sinh viên là rất hạn chế, điều này có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả học tập cũng như việc phát triển KNGT của sinh viên.

#### 4.4.4. *Sử dụng thủ thuật trong giao tiếp của sinh viên*

*Nhận thức về việc sử dụng thủ thuật trong giao tiếp*

Với câu hỏi khảo sát: “*Đồng chí đánh giá vai trò của việc sử dụng thủ thuật trong giao tiếp như thế nào?*”, kết quả thu được như sau: 311 sinh viên (chiếm 69,90%) cho là rất quan trọng, 139 sinh viên (chiếm 30,1%) cho là không quan trọng. Như vậy, có thể nói, phần lớn sinh viên đều nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng các thủ thuật trong giao tiếp bởi những thủ thuật này có thể giúp họ khắc phục những mặt còn hạn chế thường gặp phải trong giao tiếp.

#### *Sử dụng các thủ thuật trong giao tiếp*

Trái ngược với việc ý thức được tầm quan trọng của việc sử dụng các thủ thuật trong giao tiếp, thực trạng sử dụng các thủ thuật trong giao tiếp còn rất hạn chế. Ngoài ra, qua quan sát trong các cuộc đàm thoại trực tiếp với sinh viên, tác giả nhận thấy sinh viên thường rất lúng túng khi gặp phải khó khăn trong khi thiếu từ vựng để diễn đạt.

#### *Xử lý biến thể ngôn ngữ trong giao tiếp*

Tìm hiểu vấn đề này, tác giả đã thực hiện cùng một cuộc đàm thoại đơn giản với 10% trong tổng số sinh viên được khảo sát. Trong các cuộc đàm thoại trên có sử dụng nhiều đặc tính câu như: nói âm, biến âm hay đồng hóa âm... Kết quả cho thấy hầu hết sinh viên đã giải mã và hiểu được nội dung thông tin trong câu có chứa đựng những biến thể ngôn ngữ như:

What are you ***gonna*** (going to) do tomorrow?

I likit (like it) very much.

#### *Năng lực diễn đạt tiếng Anh trong giao tiếp*

Kết quả phỏng vấn cho thấy, hầu hết sinh viên thường dùng những câu đơn lẻ thay vì có thể sử dụng các loại từ nối như đẳng lập hay chính phụ để diễn đạt một vấn đề.

Ví dụ:

**Giảng viên:** What's your job?

**CBGV:** Police

**Giảng viên:** Do you like your job?

**CBGV:** Yes

**Giảng viên:** Why?

**CBGV:** Useful.

#### *Về phương thức biểu đạt tiếng Anh trong giao tiếp*

Trong giao tiếp, sinh viên thường suy diễn để chuyển di các thành phần ngôn ngữ mẹ đẻ sang ngoại ngữ. Điều này có thể gây ra sự mắc lỗi trong quá trình giao tiếp, bao gồm cả mắc lỗi về từ vựng, mắc lỗi về phát âm hay cấu

trúc v.v. Thực tế trong quá trình giảng dạy kỹ năng nói và viết, tác giả nhận thấy sinh viên thường có xu hướng tư duy và dịch từng từ từng chữ từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Anh. Các lỗi thường gặp liên quan đến cách sử dụng từ, trật tự từ do có sự khác biệt giữa hai ngôn ngữ. Do đó, những bài viết hay câu nói của sinh viên không mang tính chất hàn lâm cũng như không đúng với tư duy của người bản ngữ. Ảnh hưởng của tiếng mẹ đẻ là một trong những nguyên nhân gây ra lỗi hay sự chuyển di tiêu cực trong quá trình học ngoại ngữ của sinh viên. Thông qua đàm thoại trực tiếp, kết quả ghi nhận cho thấy sinh viên thường mắc một lỗi phổ biến về từ vựng như: I very like you, I very understand her v.v..

Ngoài sự ảnh hưởng của quá trình chuyển di, ngôn ngữ mẹ đẻ còn ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên trên khía cạnh hấp thụ ngôn ngữ. Giữa tiếng Việt và tiếng Anh tuy có hệ thống chữ cái hoàn toàn giống nhau, nhưng chúng lại có hệ thống âm hoàn toàn khác nhau. Chẳng hạn, về phát âm, tiếng Việt không có trọng âm từ, tất cả các âm đứng cuối từ đều phát âm “đóng”. Qua quá trình giảng dạy và trao đổi trực tiếp với sinh viên, tác giả nhận thấy phần lớn sinh viên thường phát âm không chuẩn do không chú trọng vào trọng âm của từ (trọng âm thường rơi vào các âm tiết: thứ 1, thứ 2 hay 3), nên khi nói cả câu, thì câu không có ngữ điệu. Theo quan sát, hơn 60% sinh viên không phát âm chính xác được các từ sau: *pleasure, the* v.v.

#### 4.4.5. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên

##### *Động cơ học tập tiếng Anh của sinh viên*

Khác với các ngành khoa học khác, nhu cầu giao lưu trực tiếp với người nước ngoài bằng tiếng Anh, hay việc sử dụng các giáo trình bằng tiếng Anh phù hợp với sinh viên của ĐHCND còn rất hạn chế do đặc thù của

ngành, đặc thù riêng về hệ thống luật pháp, và tính bảo mật của ngành. Phần lớn sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với việc học tập và nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu thực tế và tương lai sau này. Nhu cầu học tiếng Anh phục vụ giao tiếp chưa cao, chưa gắn liền với công việc nên chưa trở thành động cơ học tập.

##### *Chương trình học tập*

Chương trình và nội dung giảng dạy còn nhiều bất cập đã ảnh hưởng đến việc phát triển kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh của người học. Một khuynh hướng rất phổ biến ở hầu hết các bậc học và các trường học trong toàn quốc hiện nay là coi tiếng Anh như một môn học về kiến thức. Điều này đã tạo ra một hệ quả không tốt cho cả việc dạy và học, đó là tập trung nhiều vào việc phân tích các quy luật ngữ pháp nhằm đáp ứng được nhu cầu kiểm tra đánh giá kiến thức người học ngôn ngữ tiếng Anh. Phần lớn sinh viên có một khoảng thời gian dài dành cho việc học tiếng Anh (từ lớp 6 đến lớp 12 trong chương trình giáo dục phổ thông), tuy nhiên đến nay, kỹ năng giao tiếp tiếng Anh vẫn còn nhiều hạn chế.

##### *Xây dựng quy chuẩn về năng lực giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên của ĐHCND phù hợp với nhu cầu thực tế*

Việc chưa xây dựng quy chuẩn đầu ra cho sinh viên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam cũng có tác động không nhỏ đến quá trình học tiếng Anh. Việc xác định trình độ cần đạt được trước khi tốt nghiệp sẽ giúp sinh viên xác định rõ được nội dung cần học, phương pháp học một cách phù hợp để nâng cao kiến thức và kỹ năng giao tiếp tiếng Anh vào công tác chuyên môn.

##### *Đặc tính ngôn ngữ*

Mỗi ngôn ngữ có một đặc thù riêng về phát âm, cách sử dụng từ, ngữ pháp. Khi học tiếng Anh, người học luôn có xu hướng mang đặc tính của tiếng mẹ đẻ để áp dụng sang, làm

cho tiếng Anh của mình không được chuẩn mực. Đây là sự chuyển di tiêu cực từ tiếng mẹ đẻ, gây ảnh hưởng lớn đến phương thức diễn đạt hay chất lượng giao tiếp.

Không những tiếng mẹ đẻ ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên, mà chính tiếng Anh mà sinh viên đang học cũng có ảnh hưởng. Ảnh hưởng này thường xuất phát từ hệ thống quy ước riêng của ngôn ngữ. Ví dụ: các quy tắc về các thì, các quy tắc về danh từ số ít và số nhiều v.v. Khi yêu cầu sinh viên nói câu sau bằng tiếng Anh (Hôm qua, tôi đi thăm anh ấy), thì có tới 65,73% sinh viên nói *I go to see him yesterday* thay vì *I went to see him yesterday*.

#### *Yếu tố tâm lý*

Đặc tính tâm lý có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình giao tiếp của sinh viên, đặc biệt trong các hoạt động giao tiếp. Điều này thường được biểu lộ qua nhiều đặc tính khác nhau của bản thân sinh viên: qua động cơ học tập, niềm tin đối với môn học; khả năng tự học của sinh viên; sự lo âu (hay sợ sệt) khi tham gia các hoạt động giao tiếp. Đặc tính tâm lý thường xuất phát từ những yếu tố như văn hóa, giới tính, tính cách, tôn giáo hay tuổi tác. Kết quả khảo sát cho thấy 75% sinh viên cho rằng mình rất ngại ngùng, lo sợ khi giao tiếp bằng tiếng Anh. Đây rõ ràng là một tỉ lệ cao. Những lo âu này phản ánh cả về năng lực ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp. Sự lo âu phản ánh năng lực ngôn ngữ như sợ mắc lỗi, thiếu từ vựng để giao tiếp, phát âm sai, không biết cách dùng từ hay cấu trúc câu. Lo âu còn phản ánh năng lực giao tiếp của sinh viên như không biết cách diễn đạt hay thiếu ý tưởng.

#### *Đặc tính văn hóa xã hội*

Tuy không ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng giao tiếp của sinh viên, đặc tính văn hóa xã hội cũng có tác động không nhỏ đến các hoạt động học tập cũng như kỹ năng giao tiếp của sinh viên. Ngôn ngữ là một trong những

yếu tố phản ánh giá trị văn hóa, nên mỗi quốc gia có hệ thống ngôn ngữ riêng và có những quy ước riêng trong việc sử dụng ngôn ngữ. Ví dụ: Ở Việt Nam việc hỏi tuổi, gia đình, con cái hay công việc làm ăn là việc bày tỏ sự quan tâm, tình cảm. Điều này hoàn toàn trái ngược với các nước phương Tây, nó lại được xem như một điều cấm kỵ và tránh sử dụng trong giao tiếp. Ngoài ra, văn phong biểu đạt của những người phương Tây nói chung thường có lối nói trực tiếp và nhấn mạnh yếu tố chủ thể (Rickheit, 2008), trong khi đó, người Việt Nam thường có những cách diễn đạt gián tiếp và nhấn mạnh yếu tố khách thể. Trong khi thực hiện khảo sát kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên thông qua các cuộc đàm thoại trực tiếp, tác giả nhận thấy rào cản do đặc tính văn hóa thể hiện rất rõ. Với câu hỏi được dùng trong đàm thoại “*Do you think you can pass the English exam?*”, 86,7% sinh viên trả lời “*I think I cannot pass the English exam*” và chỉ có 13,3% trả lời “*I don't think I can pass the English exam*”.

#### *Môi trường giao tiếp*

Môi trường giao tiếp tiếng Anh có thể được hiểu bao gồm hai lĩnh vực sau:

Thứ nhất, môi trường giao tiếp được xem là nơi học tập và sinh hoạt của sinh viên. Do đặc thù của ngành nên việc sử dụng tiếng Anh của sinh viên chỉ ở trong phạm vi trường. Sinh viên ít có cơ hội thực hiện các hoạt động tương tác bằng tiếng Anh. Thời gian tiếp xúc và thực hành giao tiếp bằng tiếng Anh của sinh viên chỉ giới hạn ở những giờ lên lớp với hai mẫu thức tương tác chủ yếu là thầy - trò và trò - trò. Kết quả khảo sát cho thấy, số lượng sinh viên sử dụng tiếng Anh để giao tiếp thường xuyên là rất ít. Trong 450 sinh viên được khảo sát, chỉ có 162 sinh viên (chiếm 36%) thỉnh thoảng sử dụng tiếng Anh để giao tiếp với người nước ngoài ngoài giờ hành chính, nhưng chủ yếu là những câu đơn giản và quen thuộc như: *How*

*are you? What are you doing?*. Ngoài ra, phần lớn số sinh viên đều cho rằng việc sử dụng tiếng Anh trong trường là rất ít bởi vì có thể bị coi là “bất bình thường” khi giao tiếp bằng tiếng Anh.

Thứ hai, môi trường giao tiếp còn được xem như là nguồn ngôn ngữ (**input**), tức là, sinh viên có thể tiếp xúc cả trực tiếp và gián tiếp. Nguồn ngôn ngữ có thể là thư viện, báo chí bằng tiếng Anh, Internet, radio, máy tính hay chính sự tương tác của sinh viên với nhau. Có thể thấy rằng, nguồn tiếng Anh ở ĐHCSSND chưa thật phong phú và đa dạng. Nếu có, tần suất sử dụng các nguồn ngôn ngữ đó lại rất hạn chế. Với câu hỏi khảo sát “*Đồng chí thường sử dụng máy tính của mình để làm gì trong thời gian rỗi?*”, kết quả chỉ ra rằng 270 sinh viên chơi game (chiếm 60%), 93 nghe sinh viên nhạc (chiếm 20,6%) và chỉ có 87 sinh viên là luyện nghe tiếng Anh (chiếm 19,3%).

Như vậy, yếu tố môi trường giao tiếp có ảnh hưởng không nhỏ đến kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên ĐHCSSND, và xét trên hai khía cạnh của môi trường giao tiếp cho thấy, các hoạt động ghi nhận từ những ngôn ngữ nguồn và hoạt động sản sinh trong môi trường giao tiếp còn rất hạn chế. Ý thức tự rèn luyện để nâng cao kỹ năng giao tiếp của sinh viên ĐHCSSND chưa cao, chưa tận dụng được những nguồn ngôn ngữ có sẵn để nâng cao trình độ cho mình. Khác với các ngành khoa học khác, nhu cầu giao lưu trực tiếp với người nước ngoài bằng tiếng Anh, hay việc sử dụng các giáo trình bằng tiếng Anh phù hợp với sinh viên ĐHCSSND còn rất hạn chế do đặc thù của ngành, đặc thù riêng về hệ thống luật pháp, và tính bảo mật của ngành. Phần lớn sinh viên chưa ý thức được tầm quan trọng của tiếng Anh đối với việc học tập và nâng cao trình độ đáp ứng nhu cầu thực tế và tương lai sau này.

Trên cơ sở lý luận về năng lực giao tiếp và kết quả điều tra về kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên ĐHCSSND, có thể thấy rằng năng lực giao tiếp tiếng Anh của phần lớn sinh viên trong trường chỉ dừng lại cấp độ có thể trả lời câu hỏi và cung cấp thông tin một cách cơ bản trong những tình huống thông dụng. Rất ít sinh viên có thể tự tin kết nối, giao tiếp trong môi trường làm việc điển hình. Khi bày tỏ ý kiến hoặc trả lời các yêu cầu phức tạp họ khó có thể diễn đạt trôi chảy, dễ hiểu, sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp phức tạp và từ vựng chuẩn xác. Từ thực trạng đã nêu, chúng ta có thể nhận ra được những thiếu sót và hạn chế của sinh viên về kỹ năng giao tiếp tiếng Anh và vấn đề này cần được cải thiện nhằm nâng cao hơn nữa kỹ năng giao tiếp trong thời gian tới.

### **5. Một số giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên ĐHCSSND trong thời gian tới**

*Một là, nâng cao nhận thức cho sinh viên về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế hiện nay.*

Mỗi sinh viên cần nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của việc học tập rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Để thực hiện có hiệu quả giải pháp nêu trên, cần tăng cường các hoạt động tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng (trang web của Trường, diễn đàn v.v.); tổ chức hội thảo, tọa đàm, tư vấn, các hoạt động ngoại khóa, nói chuyện, trao đổi về vai trò và tầm quan trọng của việc rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh để nâng cao nhận thức và nhu cầu rèn luyện kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên, bởi đó là ngôn ngữ quốc tế, ngôn ngữ của hội nhập và phát triển xã hội.

*Hai là, tổ chức thường xuyên các hoạt động ngoài lớp học nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên.*

- Thành lập và tăng cường hoạt động của câu lạc bộ tiếng Anh ở các Phòng, Khoa, Bộ môn trong Nhà trường nhằm giúp sinh viên có cơ hội thực hành kỹ năng giao tiếp, có thêm cơ hội mở rộng các mối quan hệ, gặp gỡ, trao đổi và học hỏi kinh nghiệm từ những thành viên khác tham gia câu lạc bộ thông qua việc trao đổi ý kiến về một đề tài được thiết kế với nội dung linh hoạt và gần gũi với thực tế. Các câu lạc bộ còn mang lại cho sinh viên những kinh nghiệm quý báu và chia sẻ về cách sử dụng tốt tiếng Anh trong công việc và trong cuộc sống hàng ngày.

- Tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên tham gia nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh, tạo cơ hội cho sinh viên được gặp gỡ, giao lưu với người nước ngoài. Thông qua đó, sinh viên không chỉ có cơ hội thể hiện năng lực của bản thân, luyện kỹ năng nghe, nói mà còn có thêm hiểu biết về văn hóa của các quốc gia khác, học được cách ứng xử, cách trao đổi thông tin nhanh chóng, có hiệu quả. Đồng thời, hoạt động này còn giúp sinh viên rèn cho mình khả năng nói trước đám đông, trước người lạ, cải thiện sự tự tin, năng động.

- Tổ chức các phong trào thi đua, các cuộc thi về tiếng Anh nhằm tạo cho sinh viên động lực để học tiếng Anh và rèn các kỹ năng giao tiếp tiếng Anh. Hoạt động này khuyến khích sinh viên thể hiện năng khiếu, đam mê, sở thích của mình với môn tiếng Anh. Họ sẽ có điều kiện tiếp xúc nhiều hơn với tiếng Anh, dễ dàng có được động lực khi phấn đấu để đạt đến thành tích của các cuộc thi.

*Ba là, thực hiện những thủ thuật giảng dạy sáng tạo nhằm nâng cao kỹ năng giao tiếp tiếng Anh cho sinh viên thiếu tự tin trong giao tiếp.*

Để giúp sinh viên vượt qua rào cản tâm lý e ngại, thiếu tự tin, giảng viên phải là người

trực tiếp hướng dẫn người học tham gia các hoạt động giao tiếp. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cần thường xuyên sử dụng tiếng Anh, cần quan tâm và tạo điều kiện cho người học, đặc biệt là những sinh viên yếu, thiếu tự tin, thực hành nhiều hơn. Giảng viên có thể sử dụng một trong những thủ thuật như: mô tả tranh ảnh, trò chơi ngôn ngữ, hỏi - đáp, thảo luận, để giúp cho sinh viên thực hành và phát triển kỹ năng giao tiếp. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên cũng cần lồng ghép các yếu tố văn hóa, xã hội của người bản xứ trong các bài giảng nhằm giảm thiểu những hiểu nhầm hay “shock” văn hóa.

## 6. Kết luận

Vai trò của ngoại ngữ, từ bối cảnh và xu thế phát triển của thế giới, ngày càng trở nên quan trọng đối với từng cá nhân. Trên thực tế, ngoại ngữ đã trở thành một công cụ giao tiếp rất cần thiết. Công cụ này đem lại hiệu quả rõ rệt ở các mức độ cao thấp khác nhau tùy thuộc vào trình độ nắm bắt và sử dụng nó nhuần nhuyễn đến đâu. Vì vậy, việc nâng cao năng lực tiếng Anh cho sinh viên nhằm tăng cường khả năng sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, trong thực tiễn công tác sau này là hết sức cần thiết. Điều này đòi hỏi sự quan tâm sâu sát của các nhà quản lý, sự quyết tâm nỗ lực không ngừng của cán bộ giảng viên, cùng với việc thực hiện đồng bộ các giải pháp như đã đề cập ở trên.

## Tài liệu tham khảo

- Bloomfield L. (1933). *Language*. New York: Holt, Rinehart and Winston.
- Brumfit, C.J. (1984). *Communicative Methodology in Language Teaching*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Canale, M., & Swain, M. (1981). A Theoretical Framework for Communicative Competence. In Palmer, A., Groot, P., & Tropper, G. (Eds.), *The construct validation of test of communicative competence* (pp.31-36). Washington, DC: Georgetown University.

- Chomsky, Noam. (1965). *Aspects of the theory of syntax*. Cambridge: Hass. MIT Press.
- Finocchiaro, M. & C. Brumfit (1983). *The Functional-Notional Approach: from theory to practice*. Oxford: Oxford University Press.
- Grice, H. P. (1975). Logic and conversation. In: P. Cole and J. Morgan (Eds), *Studies in Syntax and Semantics III: Speech Acts* (pp. 183-98). New York: Academic Press.
- Hymes, D.H. (1972). On Communicative Competence. In: J.B. Pride and J. Holmes (Eds), *Sociolinguistics. Selected Readings* (pp.269-293). Harmondsworth: Penguin.
- Johnson, K. (1982). *Communicative Syllabus Design and Methodology*. Oxford: Pergamon Press.
- Littlewood, W. (1985). *Foreign and Second Language Learning Language Acquisition research and its applications for the classroom*. Cambridge: Cambridge University Press.
- Nunan, D. (1989). *Understanding language classrooms: A guide for teacher- initiated action*. London: Prentice-Hall International.
- Rickheit, G., & Strohner, H. (2008). *Handbook of Communication Competence*. Germany.
- Richard, J. & T. Rodger (1986). *Approaches and methods in Language Teaching*. 2<sup>nd</sup> Ed. Cambridge: Cambridge University Press.
- Sapir, Edward. (1921). *Language: An Introduction to the Study of Speech*. New York: Harcourt, Brace.
- Skinner B. F. (1938). *The behavior of organisms: An experimental analysis*. New York: Appleton-Century-Crofts.
- Widdowson. (1978). *Teaching Language as Communication*. Oxford: Oxford University Press.

## STUDENTS' ENGLISH COMMUNICATIVE SKILLS AT THE PEOPLE'S POLICE UNIVERSITY IN THE ERA OF INTEGRATION

Le Huong Hoa

*People's Police University,*

*No.36, Nguyen Huu Tho, Tan Hung, District 7, Ho Chi Minh City, Vietnam*

**Abstract:** English communicative skills plays an important role for every student at the People's Police University to widen their knowledge and their professional practice, especially when Vietnam is integrating into the world. However, via exploring and analysing the practice of English communicative skills of students at the People's Police University, the author can find that student's achievements of English are quite good but there are still many limitations. Students are not self-confident to communicate in English or they can express their thoughts with short and simple sentences. Within this paper, the author would like to show the results of the research and some solutions to further improve students' English communication skills to meet the requirements of the university and international cooperation.

*Keywords:* communication, English communication skills, students

## PHỤ LỤC

### A. Nhận thức của sinh viên về việc học tiếng Anh của sinh viên để phát triển và nâng cao trình độ

#### 1. Đồng chí cho biết vai trò của tiếng Anh hiện nay

Không quan trọng

Quan trọng

Rất quan trọng

#### 2. Đồng chí sử dụng tiếng Anh để làm gì?

Giao tiếp

Nghiên cứu tài liệu phục vụ chuyên môn

Học tập nâng cao trình độ

### B. Năng lực sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp của sinh viên

#### 1. Khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh của đồng chí:

Chỉ là những câu đoạn

Chỉ là những câu đơn

Chỉ là những câu ngắn

Những câu dài

Những bài hội thoại đơn giản

Giao tiếp mọi tình huống

#### 2. Trong khi diễn đạt nói tiếng Anh đồng chí thường

Viết ra giấy trước khi nói  Có  Không

Dịch trong đầu từ tiếng Việt sang tiếng Anh  Có  Không

Nói một cách phân xạ trực tiếp  Có  Không

Theo văn phong của người Anh không  Có  Không

#### 3. Khi đồng chí mắc lỗi, đồng chí muốn được sửa

Ngay lập tức trước mọi người không?  Có  Không

Sau mỗi hoạt động trước mọi người không?  Có  Không

Sau đó chỉ với cá nhân không?  Có  Không

#### 4. Đồng chí có phiền không?

Nếu bạn bè đồng nghiệp sửa sai cho đồng chí  Có  Không

Nếu giáo viên yêu cầu đồng chí tự sửa sai  Có  Không

#### 5. Đồng chí có thường xuyên sử dụng tiếng Anh để giao tiếp trong và ngoài lớp không?

Thường xuyên  Hiếm khi  Không bao giờ

#### 6. Đồng chí cảm thấy như thế nào khi diễn đạt một vấn đề bằng tiếng Anh.

E ngại  Bình thường  Tự tin

7. Trong các yếu tố sau đồng chí cho rằng yếu tố nào quan trọng trong khi nói tiếng Anh

Chính xác  Luru loát

8. Đồng chí có thể tự đánh giá năng lực giao tiếp của mình

Kém  Yếu  Trung bình  Khá  Giỏi

9. Theo đồng chí để giao tiếp được bằng tiếng Anh. Đồng chí phải cần có

Ngữ pháp tốt  Có  không

Nhiều từ vựng  Có  Không

Phát âm tốt  Có  Không

Có giọng chuẩn  Có  Không

Tự tin  Có  Không

Không sợ mắc lỗi  Có  Không

**C. Những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng giao tiếp**

1. Khi giao tiếp bằng tiếng Anh đồng chí thường cảm thấy:

Hào hứng  Vui  Ngại ngùng  Lo sợ

2. Khi giao tiếp bằng tiếng Anh, đồng chí thường cảm thấy lo lắng vì

(Hãy sắp xếp từ 1 tới 5, trong đó 1 là lo lắng nhất, 5 là ít lo lắng nhất)

..... Do chủ đề

..... Do ít ý tưởng để diễn đạt

..... Do không thể nói được câu dài

..... Do cần thời gian để dịch

..... Do không hiểu

3. Đồng chí hãy cho biết mức độ lo âu của đồng chí khi tham gia vào các hoạt giao tiếp.

Rất lo âu  Lo âu  Bình thường  Không lo âu

Các yếu tố lo âu	Mức độ lo âu			
	1	2	3	4
Do thiếu ý tưởng diễn đạt				
Do thiếu từ vựng				
Do diễn đạt không lưu loát				
Do sợ mắc lỗi				
Do sợ mất mặt				

4. Đ/c không thể sử dụng được tiếng Anh bởi vì đ/c không.....

Luyện tập thường xuyên

Có kiến thức ngôn ngữ tốt

Biết cách sử dụng thủ thuật trong giao tiếp

5. Đồng chí có nhận xét gì về môi trường học tập tại trường

Rất tốt  Tốt  Không tốt



**D. Những hoạt động nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh**

## 1. Đồng chí thích học Tiếng Anh như thế nào?

Bằng cách nghỉ ngơi	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách giải quyết vấn đề	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách tự trang bị kiến thức cho mình	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách nghe đài, TV và các phương tiện khác	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách đọc các tài liệu	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách chép từ bảng	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách nghe và ghi chép	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách đọc và ghi chú	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bằng cách lặp lại những gì đồng chí nghe	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

## 2. Đồng chí thích học từ nguồn

TV/ đài/ phim ảnh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Đài	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Báo chí	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Tài liệu khác	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

## 3. Đồng chí có cho rằng các hoạt động sau đây rất bổ ích không?

Đóng vai	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Trò chơi ngôn ngữ	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Bài hát tiếng Anh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Nói chuyện và nghe bạn bè bằng tiếng Anh	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>
Ghi nhớ các bài hội thoại	Có <input type="checkbox"/>	Không <input type="checkbox"/>

## 4. Đồng chí thường sử dụng máy tính của mình để làm gì trong thời gian rỗi?

Chơi game                       Nghe nhạc                       Luyện nghe tiếng Anh

## 5. Đồng chí làm gì để nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh? .....